

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2021
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	918.049.800.000
- Vốn góp đầu kỳ	18.049.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	900.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	918.049.800.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	91.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	159.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.804.980	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.645.580
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.914.347.993	1.914.347.993
	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.914.347.993</u>

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	3.727.288.493	5.242.044.524
Doanh thu khác	299.146.218	353.916.787
	<u>4.026.434.711</u>	<u>5.595.961.311</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	<u>3.799.368.963</u>	<u>5.328.736.583</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	3.762.332.074	4.863.704.916
Giá vốn của hoạt động khác	23.876.426	131.382.612
	<u>3.786.208.500</u>	<u>4.995.087.528</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	<u>12.181.818</u>	<u>-</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.188.525.233	534.028.810
Lãi bán các khoản đầu tư	30.596.392	25.850.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.546.400	47.066.000
	1.257.668.025	606.944.810

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	529.681.061	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	86.946.415	2.438.102
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(60.777.645)	29.218.541
Chi phí tài chính khác	-	7.283
	555.849.831	31.663.926

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.659.091	-
Chi phí khác bằng tiền	18.009.091	2.000.000
	19.668.182	2.000.000

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.065.949	30.179.343
Chi phí nhân công	3.824.533.360	483.331.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	349.475.262	30.878.184
Thuế, phí, lệ phí	16.000.000	11.636.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.300.509	57.928.099
Chi phí khác bằng tiền	322.833.646	222.124.972
	4.778.208.726	836.079.249

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.521.456	-
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	55.952.599.995	-
Thu nhập khác	24.162.136	-
	56.031.283.587	-

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.127.396	-
Chi phí khác	700.000	1.626.622
	<u>2.827.396</u>	<u>1.626.622</u>

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	2.036.835	58.201.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	67.315.873	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>69.352.708</u>	<u>58.201.884</u>

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	0%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	784.962.554	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>784.962.554</u>	<u>-</u>

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	0%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua	330.092.314.727	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>330.092.314.727</u>	<u>-</u>

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(784.962.554)	-
	<u>(784.962.554)</u>	<u>-</u>

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	54.049.092.239	278.246.912
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54.049.092.239	278.246.912
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.244.265	1.645.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	599	169

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

33 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	54.049.092.239	278.246.912
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54.049.092.239	278.246.912
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.244.265	1.645.580
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	90.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	599	3

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.759.151.480	-	3.158.680.390	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	552.788.197.659	(99.176.443)	687.824.320	(99.176.443)
Các khoản cho vay	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.259.992.882	(17.698.460)	595.372.905	(78.476.105)
	727.407.342.021	(116.874.903)	17.046.877.615	(177.652.548)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.452.049.999.998	-
Phải trả người bán, phải trả khác	532.360.855.693	534.015.808
Chi phí phải trả	60.747.437.034	-
	2.045.158.292.725	534.015.808

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Đầu tư dài hạn	-	1.242.294.422	-	1.242.294.422
	-	1.242.294.422	-	1.242.294.422
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	516.896.800	-	516.896.800
	-	516.896.800	-	516.896.800

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.